

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU
Trụ sở: Xã Tân Thành – Huyện Bắc Quang – Tỉnh Hà Giang
Tel: (019) 3 827 276 - Fax: (019) 3 827 276

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Số 3 - Ngõ 1295 – Giải Phóng – Hoàng Mai - Hà Nội
Tel: (04) 3 9745 081/82 Fax: (04) 3 9745 083

Hà Nội, tháng 03 năm 2010

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN NẬM MU

Trụ sở: Xã Tân Thành – Bắc Quang – Hà Giang

Tel: (019) 3 827 276 - Fax: (019) 3 827 276

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Ban Giám đốc	2- 5
Báo cáo kiểm toán độc lập	6 – 7
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009	8 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2009	12 – 26



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu gọi tắt là ("Công ty") hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5100174626 ngày 29 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Giang cấp và thay đổi lần thứ bốn ngày 28 tháng 10 năm 2009. Theo đó:

Vốn điều lệ của Công ty là: **60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn)**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, các cổ đông của Công ty bao gồm:

Các cổ đông	Vốn góp(VNĐ)	Tỷ lệ góp vốn
Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà (Đại diện: Ông Nguyễn Đăng Lanh)	15.600.000.000	26%
Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà (Đại diện: Ông Hà Ngọc Phiếm)	15.000.000.000	25%
Công ty CP xi măng Sông Đà	3.000.000.000	5%
Công ty TNHH SXKD XNK Bình Minh	15.000.000.000	25%
Các cổ đông khác	11.400.000.000	19%
Tổng cộng	60.000.000.000	100

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu.

Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu có trụ sở chính tại: Xã Tân Thành - Huyện Bắc Quang – Tỉnh Hà Giang.

2. Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Tư vấn, xây lắp các công trình điện;
- Xây dựng sản xuất và kinh doanh điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, xây dựng công nghiệp, xây dựng thủy điện, bưu điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm kính các loại;



- Xây dựng kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê, kinh doanh bất động sản, khách sạn du lịch;
- Lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép, các hệ thống kỹ thuật công trình các loại máy móc thiết bị (thang, điều hoà, thông gió, phòng cháy, cấp thoát nước);
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gạch, ngói, đá, cát, sỏi, xi măng, tấm lợp, gỗ dùng trong xây dựng và tiêu dùng khác.
- Dịch vụ cho thuê sửa chữa, bảo dưỡng máy, thiết bị, kinh doanh thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông, lâm, thủy sản, hàng tiêu dùng;
- Đầu tư tài chính (dùng vốn của công ty để đầu tư vào các dự án);
- Nhập khẩu thiết bị vật tư công nghiệp;
- Tư vấn giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy điện, xây dựng hạ tầng, xây dựng đô thị, san lấp nền móng;

3. Cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần thủy điện Nậm Mu

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

1. Văn phòng Công ty CP thủy điện Nậm Mu Tân Thành – Bắc Quang – Hà Giang
2. Ban quản lý các dự án Nậm Quăng – Vị Xuyên – Hà Giang
3. CN công ty CP Thủy điện Nậm Mu 101 Tân Thành – Bắc Quang – Hà Giang
4. Tình hình tài chính đơn vị năm 2009

Tổng tài sản: 78,423,787,585 đồng

Tổng nợ phải trả: 41,151,848,385 đồng

Tổng vốn chủ sở hữu: 37,271,939,200 đồng

5. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009

Tổng thu nhập: 88,353,952,856 đồng

Tổng chi phí: 76,381,391,543 đồng

Tổng lợi nhuận trước thuế: 11.818.446.746 đồng

6. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Công ty đã điều hành Công ty cho năm 2009 gồm:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|------------------------|---------------|
| • Ông Nguyễn Đăng Lanh | Chủ tịch HĐQT |
| • Ông Vũ Quang Hội | Ủy viên HĐQT |
| • Ông Đoàn Hùng Sơn | Ủy viên HĐQT |
| • Ông Đào Quang Dũng | Ủy viên HĐQT |
| • Ông Hà Ngọc Phiếm | Ủy viên HĐQT |

Ban Giám đốc

- | | |
|------------------------|--------------|
| • Ông Hà Ngọc Phiếm | Giám đốc |
| • Ông Lê Xuân Cương | Phó Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Đức Nang | Phó Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Xuân Hồng | Phó Giám đốc |

Ban kiểm soát:

- | | |
|--------------------|-----------------------|
| • Ông Vũ Đức Thuận | Trưởng ban kiểm soát |
| • Ông Vũ Ngọc Toàn | Ủy viên ban kiểm soát |
| • Ông Vũ Tiến Hưng | Ủy viên ban kiểm soát |

7. Kiểm toán viên:

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội là đơn vị được bổ nhiệm làm kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 cho Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu.

Tại Báo cáo này chúng tôi xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban giám đốc công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp.
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc.
- Toàn bộ tài sản cố định của Công ty đã mang thế chấp ở ngân hàng để vay nợ.
- Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2009, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG THUỶ ĐIỆN NẬM MU

Trụ sở: Xã Tân Thành – Bắc Quang – Hà Giang

Tel: (019) 3 827 276 - Fax: (019) 3 827 276

Báo cáo của Ban giám đốc

đính kèm BCTC cho

năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009

- Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán trình bày trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành về kế toán có liên quan.
- Ngoài sự kiện đã nêu ở trên kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo, chúng tôi không thấy phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong các năm tài chính tiếp theo.

Thay mặt

Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu



Giám đốc

Hà Ngọc Phiếm

Hà Giang, ngày 25 tháng 01 năm 2010





CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 * Fax: (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn Website: www.cpahanoi.com

AicA

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2010

Số: 122 /CPAHANOI-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009
của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu ("gọi tắt là Công ty") cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính như đã trình bày từ trang 08 đến trang 26 được lập theo các quy định của Chế độ kế toán Việt Nam nêu tại Thuyết minh số II, III và VI trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

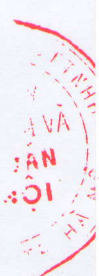
Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.

Trách nhiệm của chúng tôi là dựa trên kết quả kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính và sau đó báo cáo với Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám đốc của Công ty.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập, các bằng chứng xác minh những số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như phương pháp trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính.

Công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.



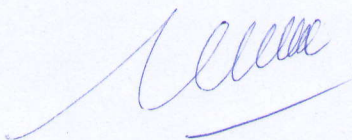
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009 đã:

- (a) Phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty kết thúc cùng ngày;
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 05 bản tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu giữ 04 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

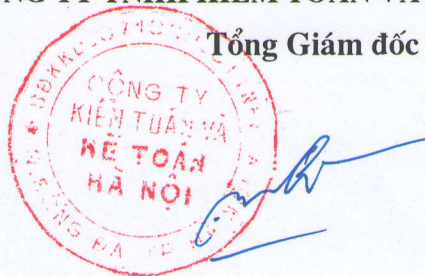
Kiểm toán viên



Lê Văn Dò
Chứng chỉ kiểm toán viên
số: 0231 /KTV

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tĩnh
Chứng chỉ kiểm toán viên
số: 0132/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN NẬM MU

Trụ sở: Xã Tân Thành - Bắc Quang - Hà Giang

Điện thoại: 019 3827276 Fax: 019 3827276

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
1	3	4	5	6
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		7.986.626.308	17.362.223.546
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.961.012.653	3.548.482.349
1 Tiền	111	V.01	1.961.012.653	3.548.482.349
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
II Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.757.948.071	10.843.141.937
1 Phải thu khách hàng	131		2.470.757.369	10.427.471.405
2 Trả trước cho người bán	132		1.183.807.000	162.594.240
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
4 Các khoản phải thu khác	138	V.03	103.383.702	253.076.292
5 Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV Hàng tồn kho	140		275.790.890	73.380.704
1 Hàng tồn kho	141	V.04	275.790.890	73.380.704
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		1.991.874.694	2.897.218.556
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		884.231.337	1.970.000
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		800.188.553	2.895.248.556
3 Thuế và các khoản phải thu nhà nước	158	V.05	-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác			307.454.804	-
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		415.527.197.961	380.247.874.206
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		413.527.197.961	378.247.874.206
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	413.527.197.961	146.158.969.807
- Nguyên giá	222		477.574.470.336	194.877.752.893
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(64.047.272.375)	(48.718.783.086)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	-	232.088.904.399
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
III Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.000.000.000	2.000.000.000
1 Đầu tư dài hạn khác	258	V.08	2.000.000.000	2.000.000.000
2 DP giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
IV Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		423.513.824.269	397.610.097.752

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Trụ sở: Xã Tân Thành - Bắc Quang - Hà Giang

Điện thoại: (0219) 3 827 672

Fax: (0219) 3 827 276

Báo cáo tài chính

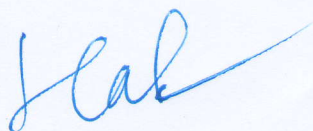
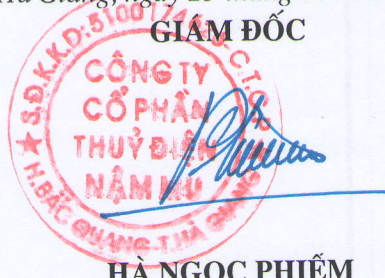
Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
1	3	4	5	6
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		340.127.462.462	318.634.411.634
I Nợ ngắn hạn	310		69.110.129.305	52.034.406.886
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	39.233.000.000	31.411.000.000
2 Phải trả người bán	312		23.701.865.692	10.423.528.294
3 Người mua trả tiền trước	313		-	
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	2.886.463.907	1.162.128.038
5 Phải trả công nhân viên	315		745.869.599	892.408.591
6 Chi phí phải trả	316	V.11	-	1.733.230.156
7 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		1.638.587.840	5.917.779.327
8 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	904.342.267	494.332.480
9 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II Nợ dài hạn	330		271.017.333.157	266.600.004.748
1 Vay và nợ dài hạn	334	V.20	270.085.457.015	265.800.927.395
2 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	791.541.733	604.292.444
3 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		140.334.409	194.784.909
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400		83.386.361.807	78.975.686.118
I Vốn chủ sở hữu	410	V.15	83.175.732.589	78.568.070.153
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	
3 Quỹ đầu tư phát triển	417		2.883.842.047	2.421.869.866
4 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.640.080.574	1.178.108.393
5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	
6 Lợi nhuận chưa phân phối	420		18.619.131.302	14.935.413.228
7 Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		32.678.666	32.678.666
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		210.629.218	407.615.965
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	90.564.777
2 Nguồn kinh phí hình thành tài sản cố định	432	V.23	210.629.218	317.051.188
C Lợi ích của cổ đông thiểu số	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		423.513.824.269	397.610.097.752

Hà Giang, ngày 25 tháng 01 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN THANH HÀ**GIÁM ĐỐC**

HÀ NGỌC PHIÊM

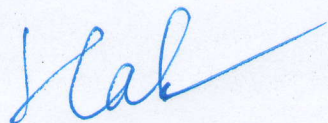
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu 1	Mã số 2	Thuyết minh 3	Năm nay 4	Năm Trước 5
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	57.958.640.084	37.809.333.100
2 Các khoản giảm trừ	02	VI.18	-	
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.19	57.958.640.084	37.809.333.100
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.20	22.439.640.888	14.874.943.309
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		35.518.999.196	22.934.389.791
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	2.497.802.919	2.501.610.673
7 Chi phí tài chính	22	VI.22	23.602.151.177	14.266.998.926
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.602.151.177	14.266.998.926
8 Chi phí bán hàng	24		-	
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.585.711.696	1.393.790.896
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		11.828.939.242	9.775.210.642
11 Thu nhập khác	31		-	39.193.826
12 Chi phí khác	32		10.492.598	22.500.000
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(10.492.598)	16.693.826
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.818.446.644	9.791.904.468
15 Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.23	146.351.609	365.211.550
16 Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		VI.24	187.249.289	187.249.289
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		11.484.845.746	9.239.443.629
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu			1.914	1.540

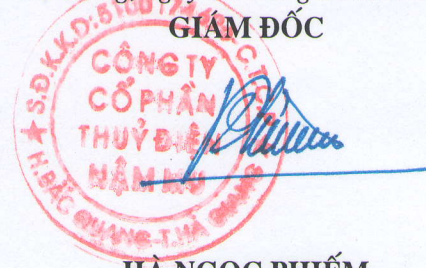
KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THANH HÀ

Hà Giang, ngày 25 tháng 01 năm 2010

GIÁM ĐỐC



HÀ NGỌC PHIÊM

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Trụ sở: Xã Tân Thành - Bắc Quang - Hà Giang

Điện thoại: 019 3827276 Fax: 019 3827276

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại

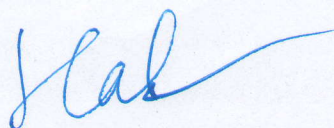
kết thúc ngày 31/12/2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

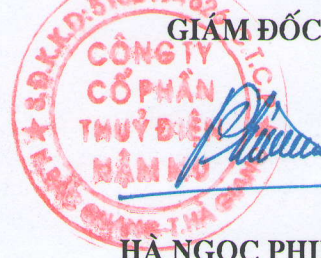
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	68.061.773.052	41.749.811.032
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(28.221.332.705)	(1.123.394.717)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.699.597.782)	(3.950.629.711)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(23.602.151.177)	(15.538.132.735)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(20.177.681)	(288.380.924)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.629.910.589	11.319.226.598
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.551.192.521)	(1.205.419.645)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.597.231.775	30.963.079.898
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(23.097.722.843)	(130.798.569.732)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	53.921.752	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(23.043.801.091)	(132.798.569.732)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	46.138.529.620	118.430.658.439
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(34.032.000.000)	(18.740.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.247.430.000)	(2.934.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	8.859.099.620	96.755.758.439
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50	(1.587.469.696)	(5.079.731.395)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.548.482.349	8.628.213.744
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70	1.961.012.653	3.548.482.349

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN THANH HÀ

Hà Giang, ngày 25 tháng 01 năm 2010

GIÁM ĐỐC

HÀ NGỌC PHIÊM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**NĂM 2009****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu ("gọi tắt là Công ty") hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5100174626 ngày 29 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Giang cấp và thay đổi lần thứ bốn ngày 28 tháng 10 năm 2009. Theo đó:

Vốn điều lệ của Công ty là: **60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn)**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, các cổ đông của Công ty bao gồm:

Các cổ đông	Vốn góp(VNĐ)	Tỷ lệ góp vốn
Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà (Đại diện: Ông Nguyễn Đăng Lanh)	15.600.000.000	26%
Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà (Đại diện: Ông Hà Ngọc Phiếm)	15.000.000.000	25%
Công ty CP xi măng Sông Đà	3.000.000.000	5%
Công ty TNHH SXKD XNK Bình Minh	15.000.000.000	25%
Các cổ đông khác	11.400.000.000	19%
Tổng cộng	60.000.000.000	100

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu.

Tên tiếng Anh: NAM MU HYDROPOWER JOINT – STOCK COMPANY

Tên viết tắt: **NẬM MU HJSC**

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu có trụ sở chính tại: Xã Tân Thành - Huyện Bắc Quang – Hà Giang.

2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh:

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Tư vấn, xây lắp các công trình điện;
- Xây dựng sản xuất và kinh doanh điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, xây dựng công nghiệp, xây dựng thủy điện, bưu điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát

nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm kính các loại;

- Xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê, kinh doanh bất động sản, khách sạn du lịch;
- Lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép, các hệ thống kỹ thuật công trình, các loại máy móc thiết bị (thang, điều hòa, thông gió, phòng cháy, cấp thoát nước);
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gạch, ngói, đá, cát, sỏi, xi măng, tấm lợp, gỗ dùng trong xây dựng và tiêu dùng khác;
- Dịch vụ cho thuê sửa chữa, bảo dưỡng máy, thiết bị, kinh doanh thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông, lâm, thủy sản, hàng tiêu dùng;
- Đầu tư tài chính (dùng vốn của công ty để đầu tư vào các dự án);
- Nhập khẩu thiết bị vật tư công nghiệp;
- Tư vấn giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy điện, xây dựng hạ tầng, xây dựng đô thị, san lấp nền móng;

3. Các đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu:

1. Văn phòng Công ty CP Thủy điện Nậm Mu Tân Thành – Bắc Quang – Hà Giang
2. Ban quản lý các dự án Tân Thành – Bắc Quang – Hà Giang
3. CN Công ty CP Thủy điện Nậm Mu Tân Thành – Bắc Quang – Hà Giang

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các thông tư sửa đổi, bổ sung kèm theo.
2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng:
Chúng tôi, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu, tuyên bố tuân thủ đúng Chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như



các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn, hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị của các khoản này.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:
 - Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được qui đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được phản ánh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
 - Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày lập Báo cáo tài chính

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên;
- Giá trị xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

- Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;
- Lập dự phòng phải thu khó đòi:
Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.

5. Ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:
Tài sản cố định của Công ty được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được hạch toán theo các chỉ tiêu là nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ bao gồm giá mua cộng thuế nhập khẩu, chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử và các chi phí liên quan khác để đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng;
- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:
Khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản. thời gian khấu hao áp dụng phù hợp với thời gian khấu hao quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Tỷ lệ khấu hao
- Thiết bị văn phòng	05 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm
- Nhà cửa	19-23 năm
- Máy móc thiết bị	05-16 năm

6. Hợp đồng thuê tài chính:

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính: Công ty không phát sinh nghiệp vụ này;
- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính: Công ty không phát sinh nghiệp vụ này.

7. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Công ty không phát sinh nghiệp vụ này
- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: Công ty không phát sinh nghiệp vụ này

8. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó;

9. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:

Các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn ;

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn

11. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

12. Ghi nhận các khoản chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

13. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ khi thành lập. Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% cho 9 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm thứ 6 kinh doanh có lãi nên Công ty được miễn giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Theo Quy định của Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

14. Nguồn vốn chủ sở hữu:

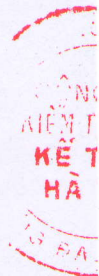
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại: Công ty không phát sinh nghiệp vụ này;
- Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các khoản dự trữ và quỹ từ lợi nhuận được thực hiện điều lệ của Công ty.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
 - Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng:

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập (phù hợp với chuẩn mực kế toán số 15 về Hợp đồng xây dựng).



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Trụ sở: Xã Tân Thành - Bắc Quang - Hà Giang

Điện thoại: 019 3827276 Fax: 019 3827276

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2009

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: VND)

1. Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	397.998.142	590.485.430
+ Tiền mặt tại quỹ Việt Nam đồng	397.998.142	590.485.430
- Tiền gửi Ngân hàng	1.563.014.511	2.957.996.919
+ Tiền gửi Việt Nam đồng	1.563.014.511	2.957.996.919
+ Tiền gửi Ngoại tệ	-	-
Cộng	1.961.012.653	3.548.482.349
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (Không có số liệu)		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu về Cổ phần hoá	-	-
- Phải thu về Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác	103.383.702	253.076.292
Cộng	103.383.702	253.076.292
4. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu		
Công cụ, dụng cụ	275.790.890	73.380.704
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		
Thành phẩm	-	-
Hàng hoá	-	-
Hàng gửi bán	-	-
Cộng	275.790.890	73.380.704
* Giá trị của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: ...		
* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:		
* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK		
5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT	800.188.553	2.895.248.556
Cộng	800.188.553	2.895.248.556

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu
 ở: Xã Tân Thành - Bắc Quang - Hà Giang
 thoại: 019 3827276 Fax: 019 3827276

Thuyết minh Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính
 Kết thúc ngày 31/12/2009

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	TSCĐ Chưa qtoán	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định						
ố dư đầu năm	47.751.861.800	1.312.591.143	244.022.663	145.569.277.287		194.877.752.893
Mua trong năm		513.690.000				513.690.000
XDCB hoàn thành	-				282.183.027.443	282.183.027.443
Tặng khác	-				-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-				-	-
Thanh lý, nhượng bán	-				-	-
Giảm khác	-				-	-
ố dư cuối năm	47.751.861.800	1.826.281.143	244.022.663	145.569.277.287	282.183.027.443	477.574.470.336
Giá trị hao mòn lũy kế						
ố dư đầu năm	13.658.106.947	764.182.980	188.047.412	34.108.445.747		48.718.783.086
Khấu hao trong năm	3.000.722.946	164.073.900	21.136.484	7.434.274.356	4.708.281.603	15.328.489.289
Tặng khác						-
Chuyển sang BĐS đầu tư					-	-
Thanh lý, nhượng bán					-	-
Giảm khác					-	-
ố dư cuối kỳ	16.658.829.893	928.256.880	209.183.896	41.542.720.103	4.708.281.603	64.047.272.375
Giá trị còn lại của TSCĐ						
Tại ngày đầu năm	34.093.754.853	548.408.163	55.975.251	111.460.831.540	-	146.158.969.807
Tại ngày cuối năm	31.093.031.907	898.024.263	34.838.767	104.026.557.184	277.474.745.840	413.527.197.961

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

7. Chi phí XDCB dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tổng số chi phí XDCB dở dang	-	232.088.904.399
Mua sắm TSCĐ	-	-
Công trình xây dựng thủy điện Nậm Ngần	-	232.088.904.399
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
Cộng	-	232.088.904.399
8. Đầu tư dài hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Đầu tư dài hạn khác	2.000.000.000	2.000.000.000
Cổ phiếu	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000
9. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Vay ngắn hạn	39.233.000.000	31.411.000.000
Ngân hàng NN&PTNT Hà Giang	20.821.000.000	18.703.000.000
Ngân hàng phát triển Hà Giang	15.060.000.000	12.708.000.000
Công ty CP tài chính Sông Đà	3.352.000.000	-
b. Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	39.233.000.000	31.411.000.000
10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	1.705.098.280	784.029.784
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	532.267.052	91.860.626
Thuế tài nguyên	963.331.073	286.237.628
Các loại thuế khác	-	-
Cộng	3.200.696.405	1.162.128.038
11. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả thủy điện Nậm Mu	-	1.733.230.156
Cộng	-	1.733.230.156
12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	108.613.180	19.059.074
Bảo hiểm xã hội, BHYT	185.211.488	27.503.237
Các khoản phải trả, phải nộp khác	610.517.599	447.770.169
Cộng	904.342.267	494.332.480

Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu
 Trụ sở: Xã Tân Thành - Bắc Quang - Hà Giang
 Điện thoại: 019 3827276 Fax: 019 3827276

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2009

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
13. Vay và nợ dài hạn	270.085.457.015	265.800.927.395
a. Vay dài hạn	270.085.457.015	265.800.927.395
- <i>Vay Ngân hàng</i>		
Ngân hàng NN&PTNT Hà Giang (Thủy điện Nậm Mu	160.102.335.569	156.862.927.395
Ngân hàng phát triển Hà Giang (Thủy điện Nậm Ngần	93.878.000.213	108.938.000.000
Công ty tài chính CP Sông Đà	16.105.121.233	-
	-	-
b. Nợ dài hạn	270.085.457.015	265.800.927.395
Cộng		

c. Các khoản nợ thuê tài chính (không có số liệu)

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đó được ghi nhận từ các năm trước	791.541.733	604.292.444
Cộng tài sản thuế thu nhập DN hoãn lại	791.541.733	604.292.444



ông ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu

trụ sở: Xã Tân Thành - Bắc Quang - Hà Giang
Điện thoại: 019 3827276 Fax: 019 3827276

Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính
Kết thúc ngày 31/12/2009

15. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu
A - BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000		2.068.900.058	825.138.585	12.631.564.555	32.678.666	75.558.281.864
Tăng vốn trong năm trước	-	-			-		-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	9.239.443.629	-	9.239.443.629
Tăng khác	-	-	352.969.808	352.969.808			705.939.616
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-		-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-		-
Giảm khác	-	-	-	-	6.935.594.956	-	6.935.594.956
Số dư cuối năm trước	60.000.000.000	-	2.421.869.866	1.178.108.393	14.935.413.228	32.678.666	78.568.070.153
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	-	2.068.900.058	1.178.108.393	14.935.413.228	32.678.666	78.215.100.345
Tăng vốn trong kỳ này	-	-			-		-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	11.484.845.746	-	11.484.845.746
Tăng khác	-	-	461.972.181	461.972.181	-		923.944.362
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-		-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-		-
Giảm khác	-	-	-	-	7.762.390.362	-	7.762.390.362
Số dư cuối năm nay	60.000.000.000	-	2.530.872.239	1.640.080.574	18.657.868.612	32.678.666	82.861.500.091

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu

Trụ sở: Xã Tân Thành - Bắc Quang - Hà Giang

Điện thoại: 019 3827276 Fax: 019 3827276

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2009

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty cổ phần Sông Đà 9	30.600.000.000	30.600.000.000
- Công ty CP xi măng Sông Đà	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty TNHH SXKD XNK Bình Minh	15.000.000.000	15.000.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	11.400.000.000	11.400.000.000
Cộng	60.000.000.000	60.000.000.000

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

-

-

* Số lượng cổ phiếu quỹ:

-

-

C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.600.000.000	6.000.000.000

D. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000 VND/ 1 Cổ phiếu

E. Các quỹ doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	2.883.842.047	2.421.869.866
Quỹ dự phòng tài chính	1.640.080.574	1.178.108.393

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ:**

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế năm 2008 theo Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà Thủy Điện Nậm Mu, phù hợp với các quy định tại Điều lệ Công ty.

Quỹ Đầu tư phát triển trích lập trong năm bằng số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn năm 2008 và từ lợi nhuận sau thuế năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Mu, phù hợp với các quy định tại Điều lệ Công ty. Được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty khi mở rộng sản xuất kinh doanh.

16. Nguồn kinh phí hình thành tài sản cố định

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn kinh phí hình thành tài sản cố định	210.629.218	317.051.188
Cộng	210.629.218	317.051.188

Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu

Trụ sở: Xã Tân Thành - Bắc Quang - Hà Giang

Điện thoại: 019 3827276 Fax: 019 3827276

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2009

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: VN)

17. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
	57.958.640.084	37.809.333.100
+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.958.640.084	37.809.333.100
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng		
18. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
+ Hàng bán bị trả lại		
19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.958.640.084	37.809.333.100
20. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hoá và dịch vụ cung cấp	22.439.640.888	14.874.943.309
Giá vốn của hợp đồng xây dựng		
Cộng	22.439.640.888	14.874.943.309
21. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	301.802.919	1.387.790.673
Tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư các dự án	2.196.000.000	1.113.820.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	2.497.802.919	2.501.610.673
22. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	23.602.151.177	14.266.998.926
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Cộng	23.602.151.177	14.266.998.926
23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	146.351.609	365.211.550
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	0	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	218.034.554	91.860.626

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	198.759.980	304.804.921
Chi phí nhân công	6.005.250.395	3.449.246.553
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.328.489.289	10.532.087.342
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.423.550.501	735.524.019
Chi phí bằng tiền khác	2.069.302.419	1.247.071.370
Cộng	25.025.352.584	16.268.734.205

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VND)

26. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

Trong năm không có khoản tiền nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng.

VIII. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và thông tin tài chính khác

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ

3. Thông tin về các bên liên quan

4. Thông tin so sánh

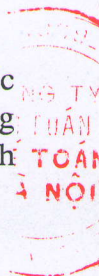
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

6. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.



Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mu

Trụ sở: Xã Tân Thành - Bắc Quang - Hà Giang

Điện thoại: 019 3827276 Fax: 019 3827276

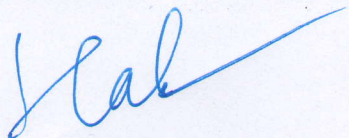
Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

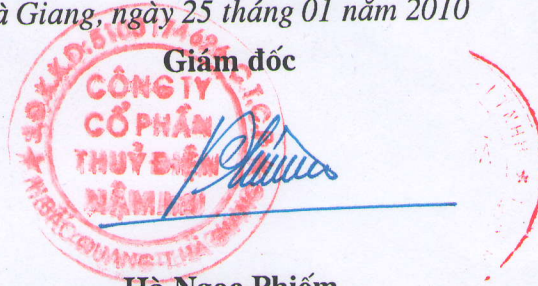
Kết thúc ngày 31/12/2009

7. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1 Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	98,11%	95,63%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	1,89%	4,37%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	80,39%	80,14%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	19,61%	19,86%
2 Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1,24	1,25
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	0,12	0,33
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)		
3 Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	20,39%	25,90%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	19,82%	24,44%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	2,79%	2,46%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	2,71%	2,32%

Kế toán trưởng**Trần Thanh Hà**

Hà Giang, ngày 25 tháng 01 năm 2010

Giám đốc**Hà Ngọc Phiếm**